

Số: **810** /QĐ-ĐHDK

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày **13** tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điểm chuẩn trúng tuyển và công nhận thí sinh
trúng tuyển đợt 1 trình độ đại học hệ chính quy năm 2016**

HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2016 TRƯỜNG ĐẠI HỌC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 2157/QĐ-TTg ngày 25/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 187/QĐ-DKVN ngày 19/01/2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26/02/2015 của Bộ GD&ĐT và Thông tư số 03/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26/02/2015 của Bộ GD&ĐT;

Căn cứ Quyết định số 2571/QĐ-BGDĐT ngày 28/7/2016 của Bộ GD&ĐT về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2016;

Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy năm 2016 của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 13/8/2016 của Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy năm 2016 Trường Đại học Dầu khí Việt Nam về việc xác định điểm chuẩn trúng tuyển đợt 1 trình độ đại học hệ chính quy năm 2016 và tiếp nhận thí sinh bảo lưu kết quả tuyển sinh;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 01/TTr-BTK ngày 13/8/2016 của Trường Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy năm 2016 Trường Đại học Dầu khí Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điểm chuẩn trúng tuyển đợt 1 và công nhận thí sinh trúng tuyển đợt 1 trình độ đại học hệ chính quy năm 2016 của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam như sau:

- Điểm chuẩn trúng tuyển đợt 1 là **21,00** điểm, áp dụng cho thí sinh phổ thông khu vực 3. Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,5 (nửa điểm);

- Công nhận **52** thí sinh trúng tuyển đợt 1 năm 2016 Trường Đại học Dầu khí Việt Nam (*Danh sách đính kèm*).

Điều 2. Các thí sinh có tên ở Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đúng Quy chế Đào tạo, Quy chế công tác học sinh sinh viên, các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính và thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT(thay b/c);
- HĐT (e_copy);
- BGH (e_copy);
- TT TTTV (để đưa website);
- Lưu: VT, KHTC, ĐT (5b).



TS. Phan Minh Quốc Bình

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2016
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DẦU KHÍ VIỆT NAM

(Đính kèm Quyết định số: 810/QĐ-ĐHDK, ngày 13/8/2016 của Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Dầu khí Việt Nam)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐT	KV	Hộ khẩu	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC	TT
1	TTN003539	QUÁCH THỊ HỒNG HẠNH	10/07/1998	Nữ	01	1	Đắk Lắk	8.00	8.20	8.40	24.60	TT
2	DDS007177	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	26/05/1998	Nam		2	Quảng Ngãi	8.75	9.60	8.40	26.75	TT
3	XDT002529	LÊ MINH HIẾU	29/03/1998	Nam		2	Phú Yên	8.50	9.00	9.00	26.50	TT
4	LPS007112	NGUYỄN QUỐC VIỆT	16/04/1998	Nam		2	Bến Tre	9.00	9.00	8.40	26.40	TT
5	TAG003925	NGUYỄN DUY KHÁNH	29/05/1997	Nam		2	An Giang	8.25	9.2	8.8	26.25	TT
6	TSN007751	ĐOÀN DUY TUẤN	25/08/1998	Nam		2	Khánh Hoà	9.00	8.40	8.60	26.00	TT
7	TTN012641	LÊ THỊ THẨM	02/04/1998	Nữ		1	Đắk Lắk	9.00	7.80	8.20	25.00	TT
8	YCT006066	TRẦN SƠN THỊNH	10/10/1997	Nam		1	Cà Mau	8.50	8.80	7.60	24.90	TT
9	TTN000247	NGUYỄN ĐÌNH ANH	10/01/1998	Nam		1	Đắk Lắk	7.75	8.40	8.60	24.75	TT
10	TDV019787	PHẠM VĂN TRUNG	08/03/1997	Nam		1	Nghệ An	8.50	8.20	8.00	24.70	TT
11	XDT000470	NGUYỄN HOÀNG TÔ CHÂU	01/01/1998	Nữ		2	Phú Yên	9.00	8.00	8.60	25.60	TT
12	TDV013928	PHẠM VIỆT PHÚC	16/01/1995	Nam		1	Nghệ An	9.00	7.60	8.00	24.60	TT
13	YTB006898	NGUYỄN HOÀNG LINH	25/02/1998	Nam		2NT	Thái Bình	8.00	8.60	8.20	24.80	TT
14	GHA006573	TRẦN XUÂN TÙNG	09/02/1998	Nam		2NT	Bắc Ninh	7.75	8.80	8.20	24.75	TT
15	DHU004388	NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	12/02/1998	Nam		2NT	Thừa Thiên Huế	8.25	8.40	8.00	24.65	TT
16	HDT004389	LÊ VĂN GIÁP	26/12/1997	Nam		2NT	Thanh Hoá	8.25	8.20	8.20	24.65	TT
17	TTN009808	H NHƯ Ý BYÃ	18/11/1998	Nữ	01	1	Đắk Lắk	6.50	7.80	7.40	21.70	TT
18	TSN000582	NGUYỄN CHÍ CÔNG	01/01/1996	Nam		1	Khánh Hoà	8.25	8.40	6.80	23.45	TT
19	DCN004957	NGUYỄN THỊ HOÀI	18/08/1998	Nữ		2NT	Nam Định	8.25	8.20	7.40	23.85	TT
20	TQU001388	BÙI THỊ THÙY LINH	14/12/1998	Nữ		1	Tuyên Quang	7.75	8.00	7.60	23.35	TT
21	KSA005328	MA THỊ OANH	23/08/1998	Nữ	01	1	Bình Phước	7.25	7.20	6.60	21.05	TT
22	TDV004057	TRẦN TRUNG ĐỨC	03/05/1997	Nam		1	Nghệ An	7.50	8.00	7.20	22.70	TT
23	DDK008096	VÕ ĐOÀN PHÚC	13/11/1998	Nam		2	Tp. Hồ Chí Minh	8.25	7.00	8.40	23.65	TT
24	TTN005313	LÊ QUANG HUY	20/10/1998	Nam		1	Đắk Lắk	8.25	7.80	6.60	22.65	TT
25	TTN001917	PHẠM DOẢN DŨNG	17/08/1997	Nam		1	Đắk Lắk	8.00	8.00	6.60	22.60	TT
26	TTN012675	BÙI PHÚ THẮNG	13/04/1998	Nam		1	Đắk Lắk	8.00	7.00	7.60	22.60	TT
27	SGD002840	LÊ THÁI HIỀN	17/06/1998	Nam		2	Long An	8.00	8.00	7.40	23.40	TT
28	DCT007798	HÀ NHƯ Ý	25/05/1998	Nam		1	Tây Ninh	8.00	7.80	6.60	22.40	TT

29	DTT004425	VÕ THỊ HOÀI LINH	16/06/1997	Nữ	06	2	Bà Rịa-Vũng Tàu	7.50	7.20	7.60	22.30	TT
30	DMS002726	NGUYỄN HỒNG PHI	10/02/1998	Nam		1	Đắk Nông	7.25	7.60	7.40	22.25	TT
31	TND000706	LỤC MINH CHIẾN	08/11/1997	Nam	01	1	Thái Nguyên	6.25	6.40	7.40	20.05	TT
32	DHK004709	LÊ ĐĂNG PHÁP	23/01/1998	Nam		2NT	Quảng Trị	7.50	7.60	7.40	22.50	TT
33	DHT004898	LÊ VĂN THÊM	12/10/1998	Nam		1	Quảng Bình	5.75	7.80	8.20	21.75	TT
34	HUI012166	LÊ THU TRANG	25/08/1998	Nữ		2NT	Đồng Nai	5.75	8.60	7.80	22.15	TT
35	DHS001524	NGUYỄN VIỆT BẢO CHUNG	28/04/1998	Nam		2NT	Hà Tĩnh	7.50	7.40	7.20	22.10	TT
36	TTN002512	VŨ CƯỜNG ĐẠT	03/06/1998	Nam		1	Gia Lai	8.00	7.20	6.40	21.60	TT
37	TCT005226	NGUYỄN MINH THƯƠNG	27/06/1996	Nam		2NT	Hậu Giang	7.00	7.80	7.20	22.00	TT
38	DHT005954	NGUYỄN QUANG VINH	12/01/1998	Nam		2NT	Quảng Bình	7.00	8.00	7.00	22.00	TT
39	DDK010576	NGUYỄN THỊ THANH THU	16/09/1997	Nữ		2	Quảng Nam	8.25	7.00	7.20	22.45	TT
40	YTB011434	VŨ ĐÌNH THI	12/09/1997	Nam		2NT	Thái Bình	7.25	7.20	7.40	21.85	TT
41	HUI005476	VŨ ĐÌNH LẬP	15/08/1998	Nam		2	Đồng Nai	7.75	7.00	7.20	21.95	TT
42	DND009946	NGUYỄN TRUNG TUẤN	21/09/1996	Nam		2NT	Quảng Bình	6.00	8.20	7.00	21.20	TT
43	DQN008257	NGUYỄN TÙNG QUÂN	23/05/1998	Nam		2NT	Bình Định	7.00	7.00	7.20	21.20	TT
44	TDV011515	NGUYỄN BÁ MINH	11/08/1997	Nam		1	Nghệ An	6.50	8.40	5.80	20.70	TT
45	TDV020279	NGÔ THANH TUẤN	01/01/1997	Nam		1	Nghệ An	6.25	7.60	6.80	20.65	TT
46	DND007299	TRẦN HỮU THÁI SƠN	19/07/1998	Nam		3	Đà Nẵng	7.00	7.80	7.20	22.00	TT
47	TCT003909	PHẠM CÔNG PHÚ	19/05/1998	Nam		3	Hậu Giang	7.50	7.60	6.80	21.90	TT
48	HVN008653	NGUYỄN THỊ THẢO	02/02/1998	Nữ		2	Hải Dương	6.50	7.60	7.20	21.30	TT
49	TDL006149	TRỊNH VĂN CAO NGUYỄN	19/08/1998	Nam		1	Lâm Đồng	6.50	7.20	6.60	20.30	TT
50	DDS003755	NGUYỄN TIỀN LINH	20/12/1998	Nam		2NT	Quảng Ngãi	6.50	8.00	6.00	20.50	TT
51	SPK004571	TRƯƠNG NGUYỄN TRÚC LINH	01/09/1998	Nữ		1	Bình Thuận	6.50	6.80	6.40	19.70	TT
52	SPD001886	HUỖNH PHƯỚC HIỀN	02/06/1997	Nam		2NT	Đồng Tháp	7.00	6.60	6.40	20.00	TT

Tổng cộng có: 52 thí sinh

Ghi chú: ĐM1: Toán, ĐM2: Lý, ĐM3: Hóa học, ĐTC: Điểm tổng cộng, ĐT: Đối tượng, KV: Khu vực, TT: Trúng tuyển.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Quốc Phong



Phan Minh Quốc Bình

